

Số: /2026/QĐ-CTUBND

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản;
phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn
dân thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính thành phố tại Tờ trình số 90/TTr-STC ngày 11 tháng 3 năm 2026, Công văn số 3474/STC-GCS ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản; phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng và Công văn số /STC-GCS ngày tháng năm 2026 về việc liên quan đến rà soát dự thảo Quyết định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản; phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng ;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản; phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản; phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4

năm 2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP bao gồm:

1. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương quy định tại khoản 6, Điều 3 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ (trừ trường hợp không phải làm thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại khoản 9, Điều 4 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP).

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với các tài sản sau:

a) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu;

b) Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền.

c) Tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương quy định tại khoản 6, Điều 3 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ.

3. Những nội dung liên quan đến xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền được xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì, quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

4. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản tại Khoản 1, Điều 1 Quyết định này

1. Sở Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho chính quyền địa phương là xe ô tô, tàu thuyền.

2. Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc UBND thành phố; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản là bất động sản, nhà và tài sản khác gắn liền với đất thuộc bất động sản, nhà).

3. Chủ tịch UBND phường, xã, đặc khu quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyên giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản là bất động sản, nhà và tài sản khác gắn liền với đất thuộc bất động sản, nhà).

Điều 4. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của địa phương ra quyết định tịch thu

1. Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu đối với

a) Tài sản là xe ô tô, tàu thuyền.

b) Tài sản do cơ quan, đơn vị của trung ương được tổ chức theo hệ thống ngành dọc tại địa phương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định tịch thu (trừ tài sản là Bất động sản, nhà và tài sản khác gắn liền với đất thuộc bất động sản, nhà).

2. Các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản (trừ tài sản là bất động sản, nhà và tài sản khác gắn liền với đất thuộc bất động sản, nhà; xe ô tô, tàu thuyền) đối với

a) Tài sản do cơ quan, đơn vị mình và cơ quan đơn vị thuộc phạm vi quản lý trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra Quyết định tịch thu.

b) Tài sản do người có thẩm quyền của cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý ra Quyết định tịch thu.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản (trừ tài sản là bất động sản, nhà và tài sản khác gắn liền với đất thuộc bất động sản, nhà; xe ô tô, tàu thuyền) đối với

a) Tài sản do Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu hoặc cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định tịch thu.

b) Tài sản do người có thẩm quyền thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu ra quyết định tịch thu.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền

1. Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do cơ quan thi hành án chuyên giao cho Sở Tài chính theo quy định (trừ tài sản là bất động sản, tài sản của vụ việc bao gồm: cả bất động sản và động sản).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản liên quan đến vụ án, vụ việc xảy ra trên địa bàn phường, xã đặc khu do cơ quan thi hành án chuyên giao cho cơ quan chuyên môn tài chính thuộc UBND phường, xã, đặc khu (trừ tài sản là bất động sản, tài sản của vụ việc bao gồm: cả bất động sản và động sản).

Điều 6. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương quy định tại khoản 6, Điều 3 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP

1. Tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương (được xác lập quyền sở hữu toàn dân tại Điều 3 Quyết định này): Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân tại Điều 3 nêu trên.

2. Đối với trường hợp không làm thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại khoản 9, Điều 4 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được áp dụng theo thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân của từng loại tài sản theo quy định tại Điều 3 Quyết định này.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

Thực hiện theo quy định tại Điều 104 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm c, khoản 6, Điều 3 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương thực hiện Quyết định; kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định.

b) Tổ chức việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo đúng quy định của pháp luật

c) Tham mưu UBND thành phố xem xét, xử lý, bổ sung, sửa đổi các vướng mắc (nếu có) theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương có trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này; chịu trách nhiệm quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật hiện hành; đồng thời tổng hợp, báo cáo nội dung liên quan đến tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 9. Điều khoản thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước Khu vực XIII; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND

các phường, xã, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng;
- Thường trực HĐND thành phố; các ban HĐND thành phố Đà Nẵng;
- Chủ tịch, các PCT thành phố Đà Nẵng;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Đà Nẵng;
- UBMTTQ thành phố các cấp;
- Các đoàn thể - chính trị xã hội thành phố;
- Sở, ban, ngành;
- HĐND, UBND các phường, xã, đặc khu;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Cổng Thông tin điện tử TPĐN;
- Công báo thành phố;
- Báo và Phát thanh Truyền hình Đà Nẵng;
- Lưu: VT, KT, STC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Kỳ Minh